TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Doanh.

2. Ông Phạm Công Chấn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lương Thị Th, sinh năm 1990 (có mặt).

HKTT: Thôn Tân Giáp, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn Quán Cà, xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Vi Đức Đ, sinh năm 1979 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân Giáp, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị Th trình bày:

Chị kết hôn với anh Vi Đức Đ từ năm 2008 (Dương lịch), trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hải. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân do bất Đ quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Đ thường xuyên rượu chè, chị đã khuyên bảo nhiều nhưng vợ chồng không thể có tiếng nói chung. Chị đã sống ly thân với anh Đ từ tháng 4/2020 đến nay không còn quan tâm với

nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vi Đức Đ..

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung. Con lớn tên tên Vi Văn Đ1, sinh ngày 26/10/2008, con nhỏ tên Vi Văn Q, sinh ngày 19/10/2010. Hiện nay đang ở với anh Đ. Ly hôn chị Th có nguyện vọng để anh Đ nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2020, bị đơn là anh Vi Đức Đ trình bày như sau:

Anh với chị Lương Thị Th kết hôn với nhau từ năm 2008, trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, đăng ký ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân do bất Đ quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau, vợ chồng đã ngồi lại tìm hướng giải quyết nhưng không thể có tiếng nói chung, chị Th đã sống ly thân anh Đ từ tháng 4/2020 đến nay. Anh Đ xác định không còn tình cảm với chị Th nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh, anh nhất trí không nhất trí.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Con lớn tên tên Vi Văn Đ1, sinh ngày 26/10/2008, con nhỏ tên Vi Văn Q, sinh ngày 19/10/2010. Hiện nay đang ở với anh. Ly hôn, anh Đ có nguyện vọng để anh Đ nuôi cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc và sức khỏe không tốt, anh Đ đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa xét xử.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Đ xin vắng mặt nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội Đ xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội Đ xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Th.

+ Chị Lương Thị Th được ly hôn anh Vi Đức Đ.

+ Về con chung: Giao cho anh Vi Đức Đ được trực tiếp nuôi con chung Vi Văn Đ1, sinh ngày 26/10/2008, con nhỏ tên Vi Văn Q, sinh ngày 19/10/2010. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 Đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Th thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung. Các đương sự đều cư trú tại huyện Lục Ngạn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ xin vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Th và anh Vi Đức Đ kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Th thì cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân. Chị Th xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ. Anh Đ cũng xác định không còn tình cảm với chị Th nữa nên Đ ý ly hôn với chị Th nhưng anh Đ không đến Tòa án để hòa giải và đề nghị vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó chứng tỏ anh Đ cũng không còn muốn níu giữ quan hệ hôn nhân với chị Th. Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ. Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị Th được ly hôn anh Đ.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Th và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có hai con chung. Con lớn tên tên Vi Văn Đ1, sinh ngày 26/10/2008, con nhỏ tên Vi Văn Q, sinh ngày 19/10/2010. Hiện nay đang ở với Đ. Ly hôn, chị Th có nguyện vọng để anh Đ nuôi cả hai con chung, anh Đ cũng có có nguyện vọng để anh Đ nuôi con chung, hai con của anh Đ và chị Th cũng đều có nguyện vọng được ở với anh Đ. Do vậy, cần giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quyền lợi cũng như nguyện vọng anh Đ, chị Th và cháu Đ1, cháu Q theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội Đ xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội Đ xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Th được ly hôn anh Vi Đức Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Vi Đức Đ được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Vi Văn Đ1, sinh ngày 26/10/2008 và Vi Văn Q, sinh ngày 19/10/2010. Chị Lương Thị Th được Q thăm nom các con chung, không ai được cản trở. Chị Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có Q yêu cầu Tòa án hạn chế Q thăm nom con của chị Th.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, vợ chung: Các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lương Thị Th phải chịu 300.000 Đ (Ba trăm nghìn Đ) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai số AA/2019/0001254 ngày 04/5/2020. Xác nhận chị Th đã thi hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về Q kháng cáo: Đương sự có mặt có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND H. Lục Ngạn;
- CCTHADS H. Lục Ngạn ;
- UBND xã Thanh Hải;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Khiết

THÀNH VIÊN HỘI Đ XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Tạ Văn Doanh - Phạm Công Chấn	**Lê Văn Khiết**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND H. Lục Ngạn;
- CCTHADS H. Lục Ngạn ;
- UBND xã Thanh Hải;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Khiết